

NGHỊ QUYẾT

**Về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với
người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn
và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 7
(Từ ngày 01 đến ngày 06/7/2013)**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 58/TTr-UBND ngày 25/6/2013 của UBND Thành phố về số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; mức khoán kinh phí hoạt động đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND Thành phố và ý kiến thảo luận của các vị đại biểu HĐND Thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

1. Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

1.1. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn:

- Xã, phường, thị trấn loại 1 được bố trí tối đa không quá 22 người.

- Xã, phường, thị trấn loại 2 được bố trí tối đa không quá 20 người.

- Xã, phường, thị trấn loại 3 được bố trí tối đa không quá 19 người.

1.2. Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn có 18 chức

danh:

Trưởng ban Tổ chức Đảng; Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng; Trưởng ban Tuyên giáo; Văn phòng Đảng ủy; Trưởng Đài truyền thanh; Nhân viên Đài truyền thanh; Quản lý nhà văn hóa; Kế hoạch - Giao thông thủy lợi - Công nghiệp - Nông lâm nghiệp (ở xã) hoặc Dịch vụ - Du lịch - Thương mại - Đô thị (ở phường, thị trấn); Phó Trưởng Công an xã (nơi chưa có lực lượng công an chính quy); Phó Chỉ huy trưởng quân sự; Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Phó Chủ tịch Hội Nông dân, Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Công an viên thường trực tại trụ sở xã, thị trấn.

1.3. Mức phụ cấp của mỗi chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn quy định tại biểu số 01/MPCKCT kèm theo.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.

2.1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 07 chức danh:

Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố; Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó Trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; Công an viên ở thôn; Thôn đội trưởng, Tổ đội trưởng; Bảo vệ dân phố; Nhân viên y tế thôn, bản.

2.2. Mức phụ cấp của mỗi chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định tại biểu số 02/MPCKCT kèm theo.

3. Khuyến khích các xã, phường, thị trấn bố trí kiêm nhiệm chức danh. Cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn kiêm nhiệm các chức danh không chuyên trách ở cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố nếu kiêm nhiệm chức danh không chuyên trách khác được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 30% mức phụ cấp của chức danh không chuyên trách kiêm nhiệm. Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh cũng chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm bằng 30% mức phụ cấp chức danh cao nhất. Mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

4. Hỗ trợ đóng Bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn và tổ dân phố bằng 3% mức phụ cấp hàng tháng (trừ những trường hợp đang được hưởng chế độ bảo hiểm y tế).

5. Nguồn kinh phí thực hiện mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh và 3% bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn; ở thôn, tổ dân phố từ nguồn kinh phí khoán quỹ phụ cấp của ngân sách trung ương và nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương; được cân đối trong dự toán ngân sách xã, phường, thị trấn hàng năm.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này áp dụng từ ngày 01/8/2013.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2008/NQ-HĐND ngày 09/12/2008 của HĐND Thành phố về việc quy định mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Hà Nội; thay thế quy định về mức phụ cấp đối với Phó Chỉ huy trưởng quân sự cấp xã tại mục 3.5 khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 13/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND Thành phố; thay thế quy định về mức phụ cấp đối với Phó Trưởng công an xã tại tiết 2.2.1 mục 2.1 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 23/2010/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND Thành phố .

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các ban và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XIV kỳ họp thứ 7 thông qua. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác Đại biểu Quốc hội;
- VP Quốc hội, VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội;
- TT HĐND, UBND TP, UBND TP;
- Đại biểu HĐND TP, các Ban HĐND TP;
- VPTU, các Ban Đảng Thành ủy;
- VP ĐBQH&HĐND TP, VP UBND TP;
- Các Sở, Ban, ngành Thành phố TP liên quan;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Công báo Thành phố;
- Lưu. h



CHỦ TỊCH

Ngô Thị Doãn Thanh

MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 08 /2013/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2013 của HĐND Thành phố)



| Số TT | Chức danh cán bộ | Mức phụ cấp |
|-------|---|-------------|
| 1 | Trưởng Ban tổ chức Đảng | 1,0 |
| 2 | Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra đảng | 1,0 |
| 3 | Trưởng Ban tuyên giáo | 1,0 |
| 4 | Văn phòng đảng ủy | 1,46 |
| 5 | Trưởng Đài truyền thanh | 1,46 |
| 6 | Quản lý nhà văn hoá | 1,0 |
| 7 | Nhân viên đài truyền thanh | 1,0 |
| 8 | Kế hoạch-GTTL-CN-NLN; (Dịch vụ, DL, TM, ĐT) | 1,0 |
| 9 | Phó Trưởng Công an | 1,86 |
| 10 | Phó Chỉ huy trưởng quân sự | 1,86 |
| 11 | Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc | 1,0 |
| 12 | Phó Chủ tịch Hội cựu chiến binh | 0,9 |
| 13 | Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ | 0,9 |
| 14 | Phó Chủ tịch Hội Nông dân | 0,9 |
| 15 | Phó Bí thư Đoàn thanh niên | 0,9 |
| 16 | Chủ tịch Hội người cao tuổi | 1,0 |
| 17 | Chủ tịch Hội chữ thập đỏ | 1,0 |
| 18 | Công an viên thường trực tại xã | 1,2 |

**MỨC PHỤ CẤP CỦA NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH
Ở THÔN, TÒ DÂN PHỐ**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 08 /2013/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2013
của HĐND Thành phố)

| Số TT | Chức danh cán bộ | Mức Phụ cấp | | |
|----------|--|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | | Thôn, tổ dân phố loại 1 | Thôn, tổ dân phố loại 2 | Thôn, tổ dân phố loại 3 |
| 1 | Bí thư chi bộ | 1,0 | 0,8 | 0,6 |
| 2 | Trưởng thôn, tổ trưởng dân phố | 1,0 | 0,8 | 0,6 |
| 3 | Phó thôn, tổ phó dân phố | 0,7 | 0,5 | 0,4 |
| 4 | Công an viên ở thôn | 0,7 | | |
| 5 | Thôn đội trưởng, Tổ đội trưởng | 0,7 | | |
| 6 | Bảo vệ dân phố: | | | |
| | - Trưởng ban Bảo vệ dân phố | 0,71 | | |
| | - Phó Ban Bảo vệ dân phố | 0,66 | | |
| | - Tổ Trưởng Tổ Bảo vệ dân phố | 0,61 | | |
| | - Tổ phó Tổ Bảo vệ dân phố | 0,59 | | |
| | - Tổ viên Tổ Bảo vệ dân phố | 0,55 | | |
| 7 | Nhân viên y tế thôn, bản: | | | |
| | - Nhân viên y tế thôn ở xã đồng bằng | 0,35 | | |
| | - Nhân viên y tế thôn, bản ở xã miền núi | 0,55 | | |